

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Tên khu chế xuất/ khu công nghiệp: KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

Cơ quan nhận: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian gửi:

**KẾ HOẠCH THU VÀ SỬ DỤNG TIỀN DUY TU, TÁI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG
Năm 2026**

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025	KẾ HOẠCH NĂM 2026
A.	Kế hoạch thu tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng	55.752.057.103	55.366.647.128
1	Số tiền còn phải thu năm trước	15.295.770.728	31.354.932.199
	Trong đó:		
	- Tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng	15.295.770.728	31.354.932.199
	- Thu khác		
2	Kế hoạch thu trong năm	51.864.633.260	61.504.537.518
	- Tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng	51.864.633.260	59.504.537.518
	- Thu khác		2.000.000.000
3	Số tiền dự kiến thu được trong năm	55.752.057.103	55.366.647.128
	- Tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (năm trước)	3.079.794.692	5.226.704.507
	- Tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng	49.555.774.234	47.973.696.046
	- Thu khác	3.116.488.177	2.166.246.575
B.	Kế hoạch sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng	59.779.089.082	96.004.900.482
I.	Phần trích chuyển cho Ban Quản lý	5.104.630.465	11.111.870.423
1	Số tiền duy tu chưa trích chuyển của năm trước chuyển sang	5.104.630.465	
2	Số tiền duy tu dự kiến trích chuyển trong năm trước		5.575.205.710
3	Số tiền duy tu dự kiến trích chuyển trong năm nay	5.575.205.710	5.536.664.713
4	Số tiền duy tu còn phải trích chuyển cho Ban Quản lý	5.575.205.710	
II.	Kế hoạch sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng	54.674.458.617	84.893.030.059
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu	31.277.400.241	57.675.169.049
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; Trạm cấp nước dự phòng (tùy vào thực tế tại từng KCX-KCN, nếu có)	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước mưa	2.072.475.780	1.748.122.000
4	Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước thải		-
5	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào		-
6	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	2.039.717.000	3.051.600.000
7	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường (nếu có)		-
8	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải (không báo cáo nếu phí xử lý nước thải được thu riêng)		-

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025	KẾ HOẠCH NĂM 2026
9	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	8.340.288.543	6.338.798.660
10	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu	913.609.096	2.478.738.000
11	Quản lý điều hành trạm và bảo trì các phương tiện, thiết bị PCCC	35.605.100	539.380.000
12	Quản lý điều hành đội bảo vệ và duy tu, bảo trì các thiết bị phục vụ an ninh trật tự	9.678.006.523	10.487.168.000
13	Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế (nếu có)	-	-
14	Quản lý bảo trì trạm trung chuyển, phân loại chất thải	-	-
15	Quản lý, vận hành, bảo trì thiết bị và các công trình hạ tầng khác (tùy vào thực tế tại từng KCX-KCN)	-	-
16	duỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp, người lao động trong khu	317.356.334	2.574.054.350
C	Kế hoạch tích lũy phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng	61.970.729.024	21.332.475.670
	1. Số tiền tích lũy đầu kỳ	65.997.761.003	61.970.729.024
	2. Số tiền tích lũy tăng (giảm) trong năm	(4.027.031.979)	(40.638.253.354)

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Duy



Lê Thị Thu Vân



Huỳnh Bảo Đức